TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/KDTM-PT
Ngày 11-8-2023
V/v tranh chấp về Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Bà Vũ Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Khánh Sơn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV (viết tắt là VPBank); địa chỉ trụ sở chính: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Hoàng L, chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ Pháp lý, ông Phạm Tuấn A và ông Đỗ Thành Tr, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ Pháp lý (theo Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/07/2023) và ông Nguyễn Minh B, bà Trịnh Thị T (theo Văn bản ủy quyền số 1826/2023/UQ-VPB ngày 25/7/2023); bà T có mặt; ông L, ông Tuấn A ông Tr, ông B đều vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần L (viết tắt là L); địa chỉ trụ sở: Km6, Quốc lộ 5, phường Hùng Vương, quận H, thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh Tu - Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (viết tắt là PetroCons); địa chỉ trụ sở: Tầng 25, tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của PetroCons: Bà Khổng Thị Thu A, chức vụ: Cán bộ Pháp chế của PetroCons (theo Giấy ủy quyền số 1546/UQ-XLDK ngày 30/6/2023) và ông Phạm Quang H, chức vụ: Cán bộ Pháp chế của PetroCons (theo Giấy ủy quyền số 1752/UQ-XLDK ngày 27/7/2023); đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của PetroCons: Ông Lê Văn Tr là Luật sư của Công ty Luật HD Bắc Đầu, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (viết tắt là Lilama); địa chỉ trụ sở: Số 124 đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của Lilama: Bà Nguyễn Thị Thu H - Chuyên viên phòng Pháp chế Thẩm định Lilama (theo Giấy ủy quyền số 509/TCT-TCNS ngày 08/8/2023); có mặt.

+ Cục Viễn Thông; địa chỉ trụ sở: Số 68 đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của Cục Viễn Thông: Ông Nguyễn Hữu L, chức vụ: Phó Trưởng phòng Kế hoạch tài chính (Theo Giấy ủy quyền số 3106/GUQ-CVT ngày 17/7/2023); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

VPBank và L đã thỏa thuận và ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2017 ngày 12-7-2017; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2018 ngày 21-8-2018, cụ thể chi tiết theo các Khế ước nhận nợ như sau:

Khế ước nhận nợ số LD 1816201657 ký ngày 11-6-2018 số tiền vay: 8.100.000.000đồng; thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 11-6-2018

đến ngày 11-6-2019; phương thức giải ngân: chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần vào các ngày 11 hàng tháng. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11-8-2018, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với Khối khách hàng doanh nghiệp CMB tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,5% tối thiểu 9% (mức lãi suất cho vay điều chỉnh), lãi suất bán vốn, biên độ + 2.500%, phạt chậm trả lãi 10%/năm/lãi suất trong hạn chậm trả, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc vào ngày 11-9-2019; thời hạn trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 kỳ trả nợ lãi, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15-7-2018.

Khế ước nhận nợ số LD 1833200824 ký ngày 28-11-2018; số tiền vay: 3.000.000.000đồng; thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 28-11-2018 đến ngày 28-11-2019; phương thức giải ngân: chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,7%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần vào các ngày 28 hàng tháng. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 28-12-2018, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khối khách hàng doanh nghiệp CMB tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2% (mức lãi suất cho vay điều chỉnh), lãi suất bán vốn, biên độ + 2.00%, phạt chậm trả lãi 10%/năm/lãi suất trong hạn chậm trả, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc vào ngày 28-11-2019; thời hạn trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 kỳ trả nợ lãi, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15-12-2018.

Khế ước nhận nợ số LD 1836001135 ký ngày 26-12-2018; số tiền vay: 2.928.863.630đồng; thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 26-12-2018 đến ngày 26-12-2019; phương thức giải ngân: chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,7%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần vào các ngày 26 hàng tháng. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26-01-2019, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khối khách hàng doanh nghiệp CMB tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2% (mức lãi suất cho vay điều chỉnh), lãi suất bán vốn, biên độ + 2.00%, phạt chậm trả lãi 10%/năm/lãi suất trong hạn chậm trả, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc vào ngày 26-12-2019; thời hạn trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 kỳ trả nợ lãi, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15-01-2019.

Khế ước nhận nợ số LD 1904600372 ký ngày 15-02-2019; số tiền vay: 12.853.938.972đồng; thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 15-02-2019 đến ngày 15-02-2020; phương thức giải ngân: chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần vào các ngày 15 hàng tháng. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15-3-2019, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng áp dụng đối với khối khách hàng doanh nghiệp CMB tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2% (mức lãi suất cho vay điều chỉnh), lãi suất bán vốn, biên độ + 2.00%, phạt chậm trả lãi 10%/năm/lãi suất trong hạn chậm trả, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc vào ngày 15-02-2020; thời hạn trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 kỳ trả nợ lãi, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15-3-2019.

Khế ước nhận nợ số LD 2003600991 ký ngày 05-02-2020 (nhận nợ bắt buộc phát sinh từ thư bảo lãnh); số tiền vay: 26.608.627.447đồng; thời hạn vay: 30 ngày kể từ ngày giải ngân; phương thức giải ngân: chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8.3%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong suốt thời hạn cho vay theo Khế ước nhận nợ này. Phạt chậm trả lãi 10%/năm/lãi suất trong hạn chậm trả, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

Để đảm bảo cho khoản vay, L đã ký các Hợp đồng thế chấp tài sản như sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số 901182XLDAUKHI/HDTCHH ngày 27-4-2016 với nội dung:

- Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa (bao gồm: Nguyên vật liệu chính (thép tấm, thép hình), buloong, vật liệu hàn và sơn) và nguyên vật liệu phụ khác (oxy, gas...) để thực hiện gói thầu: "Mua sắm, gia công, chế tạo, lắp đặt hệ thống vận chuyển Than và Đá vôi" thuộc dự án "Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2" (sau đây gọi là "Dự án") hình thành từ nguồn vốn vay của Bên thế chấp tại Bên Ngân hàng theo Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD ngày 19-4-2016 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Liên danh Nhà Thầu PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD và các phụ lục đi kèm Hợp đồng này (nếu có).

- Toàn bộ các sản phẩm đã hoàn thành bao gồm cả các sản phẩm được sản xuất và các sản phẩm được lắp ráp theo Dự án.

- Toàn bộ các sản phẩm sản xuất dở dang theo Dự án.

- Toàn bộ các khoản thu nhập thu được từ bán nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm thành phẩm theo Dự án.

- Toàn bộ các tài sản được hình thành, có được do việc chuyển đổi, mua bán các tài sản thế chấp kể trên (không bao gồm các tài sản được chuyển đổi, mua bán là Bất động sản, tàu bay, tàu biển).

- Tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ các tài sản thế chấp nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp.

Chi tiết về hàng hóa thế chấp bao gồm: Tên hàng, số lượng, trị giá, hiện trạng và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản thế chấp của bên Ngân hàng và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này (Bên thế chấp được quy định trong các Phụ lục Hợp đồng thế chấp được ký giữa bên thế chấp và bên Ngân hàng).

Quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được hoặc tài sản hình thành từ số tiền thu được do Bên thế chấp bán tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp và đảm bảo cho các nghĩa vụ của Bên thế chấp nêu tại Khoản 2 của Hợp đồng thế chấp.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản số 901182-CUCVT/HDTCHH ngày 09-12-2015 với nội dung:

- Toàn bộ hàng hóa (bao gồm: Nguyên vật liệu chính (thép tấm, thép hình), buloong, vật liệu hàn và sơn) và nguyên vật liệu phụ khác (oxy, gas...) để thực hiện gói thầu: "Thi công kết cấu thép" thuộc dự án "Xây dựng mở rộng Trụ sở cục viễn thông" (sau đây gọi là "Dự án"), hình thành từ nguồn vốn vay của Bên thế chấp tại Bên Ngân hàng theo Hợp đồng số 161115/LILAMA-LISEMCO ngày 16-11-2015 giữa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Công ty Cổ phần L và các phụ lục đi kèm Hợp đồng này.

- Toàn bộ các sản phẩm đã hoàn thành bao gồm cả các sản phẩm được sản xuất và các sản phẩm được lắp ráp theo Dự án.

- Toàn bộ các sản phẩm sản xuất dở dang theo Dự án.

- Toàn bộ các khoản thu nhập thu được từ bán nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm thành phẩm theo Dự án.

- Toàn bộ các tài sản được hình thành, có được do việc chuyển đổi, mua bán các tài sản thế chấp kể trên (không bao gồm các tài sản được chuyển đổi, mua bán là Bất động sản, tàu bay, tàu biển).

- Tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ các tài sản thế chấp nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp.

Chi tiết về hàng hóa thế chấp bao gồm: Tên hàng, số lượng, trị giá, hiện trạng và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản thế chấp của bên Ngân hàng và

là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này (Bên thế chấp được quy định trong các phụ lục Hợp đồng thế chấp được ký giữa bên thế chấp và bên Ngân hàng).

- Quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được hoặc tài sản hình thành từ số tiền thu được do Bên thế chấp bán Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp và đảm bảo cho các nghĩa vụ của Bên thế chấp nêu tại Khoản 2 của Hợp đồng thế chấp.

3. Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016 với nội dung: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp và Bên Ngân hàng đồng ý nhận thế chấp các quyền đòi nợ sau đây để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ; theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này: Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai theo Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD ngày 19-4-2016 về việc Thực hiện gói thầu: Mua sắm, gia công chế tạo, lắp đặt vận chuyển Than và Đá vôi thuộc dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2, cụ thể như sau: Tổng giá trị Hợp đồng: 283.227.647.175 đồng; Giá trị Hợp đồng tương ứng với phần việc của Bên thế chấp: 165.529.246.981 đồng; Giá trị Bên Ngân hàng định giá: 151.459.260.988 đồng; Bên có nghĩa vụ thanh toán: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm Hợp đồng, tiền lãi, khoản tiền bảo hiểm, bảo lãnh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác mà bên có nghĩa vụ thanh toán phải trả cho Bên thế chấp liên quan đến Hợp đồng nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho nghĩa vụ nêu tại Điều 2 Hợp đồng này.

4. Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182CUCVT/TCQDN ngày 09-12-2015 với nội dung: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp và Bên Ngân hàng đồng ý nhận thế chấp các quyền đòi nợ sau đây để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ; theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này: Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai theo Hợp đồng số 161115/LILAMA-LISEMCO ký giữa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Công ty Cổ phần L ngày 16-11-2015 và các Hợp đồng/phụ lục đi kèm về việc Thực hiện gói thầu: Thi công kết cấu thép thuộc dự án Xây dựng mở rộng trụ sở Cục Viễn Thông, cụ thể như sau: Tổng giá trị Hợp đồng: 184.104.681.647 đồng; Giá trị tạm ứng: 46.026.170.412 đồng; Giá trị còn lại: 138.078.511.235đồng; Bên có nghĩa vụ thanh toán: Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm Hợp đồng, tiền lãi, khoản tiền bảo hiểm, bảo lãnh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác mà bên có nghĩa vụ thanh toán phải trả cho Bên thế chấp liên quan đến Hợp đồng nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho nghĩa vụ nêu tại Điều 2 Hợp đồng này.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, VPBank đã giải ngân và L đã nhận đủ số tiền vay là 53.491.430.049 đồng theo các giấy đề nghị giải ngân, Khế ước nhận nợ cụ thể. Tuy nhiên L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng cụ thể đối với Khế ước nhận nợ số LD 1816201657 ký ngày 11-6-2018 vi phạm nghĩa vụ

thanh toán kể từ ngày 11-6-2019; Khế ước nhận nợ số LD 1833200824 ký ngày 28-11-2018 vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 15-7-2019; đối với Khế ước nhận nợ số LD 1836001135 ký ngày 26-12-2018 vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 15-7-2019; đối với Khế ước nhận nợ số LD 2003600991 ký ngày 05-02-2020 vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 06-3-2020 nên khoản vay của L đã bị chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/3/2023), L còn nợ VPBank tổng số tiền là 73.178.348.966 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc 47.384.936.021 đồng; nợ lãi trong hạn 371.557.056 đồng; nợ lãi quá hạn 21.371.955.001 đồng; lãi chậm trả lãi 4.049.900.888đồng). VPBank đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc, đôn đốc để L trả nợ cho Ngân hàng nhưng L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do L đã vi phạm thỏa thuận nên VPBank khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Buộc L phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 16-3-2023 là 73.178.348.966 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc 47.384.936.021 đồng; nợ lãi trong hạn 371.557.056 đồng; nợ lãi quá hạn 21.371.955.001 đồng; lãi chậm trả lãi 4.049.900.888 đồng) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2017 ngày 12-7-2017; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2018 ngày 21-8-2018; Khế ước nhận nợ số LD 1816201657 ngày 11-6-2018; Khế ước nhận nợ số LD1836001135 ngày 26-12-2018; Khế ước nhận nợ số LD1833200824 ngày 28-11-2018; Khế ước nhận nợ số LD1904600372 ngày 15-02-2019; Khế ước nhận nợ số LD2003600991 ngày 05-02-2020 và tiền lãi, phạt phát sinh kể từ ngày 17-3-2023 theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ, văn bản tín dụng kèm theo cho đến khi L thanh toán xong khoản nợ.

2. Trường hợp L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VPBank, đề nghị Tòa án tuyên VPBank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền thực hiện xác minh, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là:

+ Toàn bộ hàng hóa bao gồm nguyên vật liệu chính (thép tấm, thép hình), buloong, vật liệu hàn và sơn, nguyên vật liệu phụ khác (oxy, gas...) để thực hiện gói thầu thi công kết cấu thép thuộc dự án "Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2" hình thành từ nguồn vốn vay của bên thế chấp tại bên Ngân hàng theo Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD ngày 19-4-2016 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Liên danh nhà thầu PVCPT/LISEMCO/PVCSHIPYARD và các phụ lục đi kèm Hợp đồng này (nếu có). Toàn bộ các sản phẩm đã hoàn thành bao gồm cả các sản phẩm được sản xuất và các sản phẩm được lắp ráp theo dự án. Toàn bộ các sản phẩm sản xuất dở dang theo dự án. Toàn bộ các khoản thu nhập thu được từ bán nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm thành phẩm theo dự án. Toàn bộ các tài sản được hình thành, có được do việc chuyển đổi, mua bán các tài sản thế chấp kể trên (không bao gồm các tài sản được chuyển đổi, mua bán là bất động sản, tàu bay, tàu biển). Tất cả các quyền và

lợi ích phát sinh từ các tài sản thế chấp trên cũng thuộc tài sản thế chấp (Chi tiết về hàng hóa thế chấp bao gồm: Tên hàng, số lượng, trị giá, hiện trạng và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản thế chấp của bên Ngân hàng và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này). Quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được hoặc tài sản hình thành từ số tiền thu được do Bên thế chấp bán tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp và đảm bảo cho các nghĩa vụ của bên thế chấp nêu tại khoản 2 của Hợp đồng thế chấp.

+ Toàn bộ hàng hóa bao gồm nguyên vật liệu chính (thép tấm, thép hình), buloong, vật liệu hàn và sơn, nguyên vật liệu phụ khác (oxy, gas...) để thực hiện gói thầu "Thi công kết cấu thép" thuộc dự án "Xây dựng mở rộng trụ sở Cục viễn thông" hình thành từ nguồn vốn vay của bên thế chấp tại bên Ngân hàng theo Hợp đồng số 161115/LILAMA-LISEMCO ngày 16-11-2015 giữa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Công ty Cổ phần LISEMCO và các phụ lục đi kèm Hợp đồng này (nếu có). Toàn bộ các sản phẩm đã hoàn thành bao gồm cả các sản phẩm được sản xuất và các sản phẩm được lắp ráp theo dự án. Toàn bộ các sản phẩm sản xuất dở dang theo dự án. Toàn bộ các khoản thu nhập thu được từ bán nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm thành phẩm theo dự án. Toàn bộ các tài sản được hình thành, có được do việc chuyển đổi, mua bán các tài sản thế chấp kể trên (không bao gồm các tài sản được chuyển đổi, mua bán là bất động sản, tàu bay, tàu biển). Tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ các tài sản thế chấp trên cũng thuộc tài sản thế chấp (Chi tiết về hàng hóa thế chấp bao gồm: Tên hàng, số lượng, trị giá, hiện trạng và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản thế chấp của bên Ngân hàng và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này). Quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được hoặc tài sản hình thành từ số tiền thu được do Bên thế chấp bán tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp và đảm bảo cho các nghĩa vụ của bên thế chấp nêu tại khoản 2 của Hợp đồng thế chấp.

+ VPBank được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thu hồi công nợ phát sinh từ các giao dịch sau của các bên liên quan để trả nợ cho VPBank, bao gồm:

- Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD ngày 19-4-2016 được ký giữa Công ty L và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc thực hiện gói thầu: Mua sắm, gia công chế tạo, lắp đặt vận chuyển than đá và đá vôi thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

- Hợp đồng số 161115/LILAMA-LISEMCO ngày 16-11-2015 và các Hợp đồng/phụ lục đi kèm Hợp đồng này để thực hiện gói thầu "Thi công kết cấu thép" thuộc dự án "Xây dựng và mở rộng trụ sở Cục Viễn thông" được ký giữa Công ty Cổ phần L và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Đối với bị đơn là Công ty L trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án: Đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và biết việc VPBank khởi kiện, tuy nhiên

người đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập để trình bày quan điểm của mình.

Người đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (viết tắt là Lilama) trình bày:

Liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng số 161115/LILAMA-LISEMCO ngày 16-11-2015 và các Hợp đồng/phụ lục đi kèm Hợp đồng này để thực hiện gói thầu "Thi công kết cấu thép" thuộc dự án "Xây dựng và mở rộng trụ sở Cục Viễn thông" được ký giữa Công ty Cổ phần L và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, giá trị Hợp đồng/PLBS số 7 là 191.135.719.053 đồng, giá trị quyết toán đã bao gồm VAT là 190.408.775.343 đồng. Đối chiếu với Hợp đồng tính đến thời điểm hiện tại Lilama đã thanh quyết toán hết giá trị Hợp đồng cho L. Phía Lilama cũng nhiều lần gửi Công văn yêu cầu thanh quyết toán Hợp đồng nhưng phía Công ty L không có phản hồi và ký xác nhận. Vì vậy quan điểm của Lilama là Lilama không còn liên quan gì đến vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa VPBank và L.

Người đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (viết tắt là PetroCons) trình bày:

PetroCons và Công ty Cổ phần L đã ký kết Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD ngày 19-4-2016 về việc thực hiện gói thầu: Mua sắm, gia công chế tạo, lắp đặt vận chuyển than đá và đá vôi thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần L, Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống, bể chứa dầu, Công ty Cổ phần Chế tạo dàn khoan dầu khí (viết tắt là Hợp đồng số 11). Trong đó L được giao nhiệm vụ mua sắm vật tư kết cấu thép. L đã mua sắm được một phần khối lượng vật tư và khối lượng vật tư này đã được PetroCons nghiệm thu, thanh toán cho L, một phần đã bị L chiếm đoạt, một phần khác L vi phạm, chưa cung cấp đủ về số lượng theo Hợp đồng. Đối với số thép L cung cấp cho PetroCons thì PetroCons đã đưa vào sản xuất để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, L nhiều lần vi phạm, không thực hiện đúng cam kết về tiến độ, số lượng. PetroCons nhiều lần yêu cầu bằng văn bản cũng như tổ chức các cuộc họp để yêu cầu L thực hiện theo các nội dung trong Hợp đồng đã ký kết, tuy nhiên L vẫn tiếp tục vi phạm, không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ của dự án. Triển khai thực hiện Hợp đồng số 11, PetroCons đã có văn bản số 67/XLDK-KTKT ngày 07-01-2020 thông báo về việc Liên danh nhà thầu đã vi phạm Hợp đồng số 11 và Bên giao thầu thực hiện quyền chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu Liên danh nhà thầu thực hiện các thủ tục chấm dứt Hợp đồng số 11 và bàn giao ngay các thành phẩm, vật tư cho Bên giao thầu. PetroCons có nhiều văn bản yêu cầu L bàn giao vật tư thép mà L đang giữ của PetroCons nhưng đến thời điểm hiện tại L vẫn chưa tiến hành bàn giao, không hợp tác để làm thủ tục thanh lý, quyết toán Hợp đồng. Vì vậy, quan điểm của PetroCons là PetroCons không còn liên quan gì đến vụ án tranh chấp

Hợp đồng tín dụng giữa VPBank và L.

Trong quá trình giải quyết vụ án Cục Viễn Thông trình bày: Cục Viễn thông ký Hợp đồng với Tổng Công ty Lắp máy Việt nam theo Hợp đồng số 01/2015/HĐTC/VNTA-LILAMA ngày 04-11-2015. Hợp đồng này đã được thanh lý và được hoàn thành, nghiệm thu vào cuối năm 2017. Cục Viễn thông không ký bất cứ Hợp đồng nào với Công ty Cổ phần L. Sau khi Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam thi công xong, công trình đã được đưa vào sử dụng, không còn tài sản nào của Lilama tại trụ sở Cục Viễn thông. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của VPBank đối với Công ty L thì Cục Viễn thông không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 16-3-2023 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã: Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 309, 313, 342, 343, 355 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 117, 280, 292, 293, 294, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 365, 368 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 22 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; mục 2, mục 11 Điều 1 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 24, Điều 60 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 của Chính phủ về nội dung được hướng dẫn quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của VPBank:

1.1 Buộc L có nghĩa vụ trả cho VPBank số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16-3-2023) là: 73.178.348.966 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc 47.384.936.021 đồng; nợ lãi trong hạn 371.557.056 đồng; nợ lãi quá hạn 21.371.955.001 đồng; lãi chậm trả lãi 4.049.900.888 đồng) theo Hợp đồng chấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2017 ngày 12-7-2017; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2018 ngày 21-8-2018 và các Khế ước nhận nợ số LD1816201657 ngày 11-6-2018; Khế ước nhận nợ số LD1836001135 ngày 26-12-2018; Khế ước nhận nợ số LD1833200824 ngày 28-11-2018; Khế ước nhận nợ số LD1904600372 ngày 15-02-2019; Khế ước nhận nợ số LD2003600991 ngày 05-02-2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2017 ngày 12-7-2017; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2018 ngày 21-8-2018 và các Khế ước nhận nợ số LD1816201657 ngày 11-6-2018; Khế ước nhận nợ số LD1836001135 ngày 26-12-2018; Khế ước nhận nợ số LD1833200824 ngày 28-11-2018; Khế ước nhận nợ số LD1904600372 ngày 15-02-2019; Khế ước nhận nợ số LD2003600991 ngày 05-02-2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2 Trong trường hợp L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu thực hiện quyền đòi nợ đối với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016 và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 04-12-2015 sau khi thanh, quyết toán công trình theo các hợp đồng:

1.2.1 Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD ngày 19-4-2016 được ký giữa Công ty L và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc thực hiện gói thầu: Mua sắm, gia công chế tạo, lắp đặt vận chuyển than đá và đá vôi thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. (theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016).

1.2.2 Hợp đồng số 161115/LILAMA-LISEMCO ngày 16-11-2015 và các Hợp đồng/phụ lục đi kèm Hợp đồng này để thực hiện gói thầu "Thi công kết cấu thép" thuộc dự án "Xây dựng và mở rộng trụ sở Cục Viễn thông" được ký giữa Công ty Cổ phần L và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 04-12-2015).

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho VPBank mà còn thừa thì trả lại cho Công ty L. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ để VPBank thu hồi nợ thì Công ty Cổ phần L vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho VPBank cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2017 ngày 12-7-2017; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2018 ngày 21-8-2018 và các Khế ước nhận nợ số LD1816201657 ngày 11-6-2018; Khế ước nhận nợ số LD1836001135 ngày 26-12-2018; Khế ước nhận nợ số LD1833200824 ngày 28-11-2018; Khế ước nhận nợ số LD1904600372 ngày 15-02-2019; Khế ước nhận nợ số LD2003600991 ngày 05-02-2020.

Dành quyền khởi kiện tại vụ án khác cho VPBank đối với yêu cầu xác minh, kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số

901182XLDAUKHI/HDTCHH ngày 27/04/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 901182XLDAUKHI/HDTCHH ngày 04/12/2015 cùng các phụ lục đi kèm sau khi VPBank có được đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31-3-2023, Tòa án nhân dân quận Hồng Bang đã nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của VPBank về việc: Trong trường hợp L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu thực hiện quyền đòi nợ đối với PetroCons theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016 sau khi thanh quyết toán công trình theo Hợp đồng số 11 được ký giữa L và PetroCons về việc thực hiện gói thầu: Mua sắm, gia công chế tạo, lắp đặt vận chuyển than đá và đá vôi thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 02-4-2016).

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là PetroCons vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do: PetroCons và Liên danh nhà thầu (Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí; Công ty Cổ phần L; Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan Dầu khí) đã ký Hợp đồng số 11. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, L đã không thực hiện đúng cam kết về tiến độ, số lượng, vi phạm nghiêm trọng hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền lợi của PetroCons. Trong quá trình VPBank khởi kiện L, PetroCons đã có văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng số 11 đối với L và không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với nghĩa vụ trả nợ của L đối với VPBank. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Sau khi đối trừ công nợ giữa L và PetroCons, trường hợp PetroCons còn phải trả nợ cho L thì VPBank mới có quyền yêu cầu thực hiện quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 901182XLDAUKHI/HĐTCQĐN ngày 27/4/2016 giữa L và VPBank đối với PetroCons theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của PetroCons trình bày: L thế chấp quyền đòi nợ đối với PetroCons tại Hợp đồng số 11, tuy nhiên đây là Hợp đồng 4 bên được ký kết giữa PetroCons và liên danh nhà thầu, nên việc thế chấp quyền đòi nợ có liên quan đến các bên còn lại trong Hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập 02 Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan Dầu khí tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Ngoài ra, L thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai tại VPBank nhưng đến nay, VPBank chưa chứng minh được quyền đòi nợ hình thành trong tương lai là quyền đòi nợ, quyền

đòi nợ và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai khác nhau; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tuyên quyền đòi nợ của VPBank là vi phạm nghiêm trọng quyền lợi của PetroCons, đề nghị hủy phần quyết định của bản án có liên quan đến PetroCons.

Nguyên đơn là Ngân hàng VPBank vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày; VPBank không đồng ý với ý kiến của PetroCons về việc L thế chấp quyền đòi nợ không đúng quy định pháp luật và VPBank không có quyền đòi nợ đối với PetroCons và Lilama.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của PetroCons:

Với lý do kháng cáo của PetroCons cho rằng đã chấm dứt Hợp đồng số 11 với Liên danh nhà thầu trong đó có L do L vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng số 11. VPBank không chứng minh được nghĩa vụ trả nợ và giá trị khoản nợ của Petrocons với L. Trên thực tế, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, PetroCons đã chấm dứt hợp đồng số 11 và không còn nghĩa vụ trả nợ phát sinh đối với L, trong quá trình giải quyết vụ án VPBank không xác định được nghĩa vụ trả nợ cũng như giá trị khoản nợ là bao nhiêu, không chứng minh được thời điểm xử lý nợ, VPBank đã cung cấp tài liệu chứng minh quyền đòi nợ cho PetroCons hay chưa. Tại phiên tòa, Petrocons trình bày thêm lý do kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm vi phạm tố tụng khi không đưa các thành viên Liên danh thực hiện Hợp đồng 11 vào tham gia tố tụng. Xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, PetroCons không có yêu cầu độc lập đề nghị giải quyết tranh chấp Hợp đồng số 11 nên Tòa án sơ thẩm chỉ giải quyết các yêu cầu theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nên không cần thiết phải đưa các liên danh nhà thầu của Hợp đồng 11 vào tham gia tố tụng. Mặt khác, ý kiến kháng cáo này của PetroCons được đưa ra khi đã hết thời hạn kháng cáo là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về hợp đồng thế chấp: Điều 115 Bộ luật Dân sự 2015 quy định quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác. Như vậy, quyền yêu cầu được hiểu là quyền yêu cầu thanh toán một khoản tiền cho một bên tại một thời gian nhất định, do đó đây cũng có thể được xem là quyền tài sản.

Điều 22 khoản 1 Nghị định về Giao dịch bảo đảm số 8019/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 có quy định: Bên có quyền đòi nợ được thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền đòi nợ, bao gồm cả quyền đòi nợ hình thành trong tương lai mà không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ trả nợ.

Hợp đồng số 11 được ký giữa L và PetroCons về việc thực hiện gói thầu: Mua sắm, gia công chế tạo, lắp đặt vận chuyển than đá và đá vôi thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Để đảm bảo cho khoản vay giữa L và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016 với nội dung: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp và Bên Ngân hàng đồng ý nhận thế chấp các quyền đòi nợ sau đây để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này: Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai theo Hợp đồng số 11 về việc Thực hiện gói thầu: Mua sắm, gia công chế tạo, lắp đặt vận chuyển Than và Đá vôi thuộc dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2 (sau đây gọi là "Hợp đồng"), cụ thể như sau: Tổng giá trị Hợp đồng: 283.227.647.175 đồng. Giá trị Hợp đồng tương ứng với phần việc của Bên thế chấp: 165.529.246.981 đồng. Giá trị Bên Ngân hàng định giá: 151.459.260.988 đồng. Bên có nghĩa vụ thanh toán: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm Hợp đồng, tiền lãi, khoản tiền bảo hiểm, bảo lãnh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác mà bên có nghĩa vụ thanh toán phải trả cho Bên thế chấp liên quan đến Hợp đồng nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho nghĩa vụ nêu tại Điều 2 Hợp đồng này.

Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên được ký giữa người đại diện theo pháp luật của L với đại diện VPBank có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực của Phòng Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng mà không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 22 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực giữa ba bên. L đã thế chấp toàn bộ quyền đòi nợ liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng số 11. Hiện tại L đang vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VPBank nên VPBank có quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ PetroCons theo Hợp đồng số 11 đã ký.

Do giữa PetroCons và L chưa thực hiện việc thanh, quyết toán Hợp đồng để xác định chính xác được giá trị công nợ còn lại giữa PetroCons và L nên chưa thể xác định cụ thể giá trị mà Petrocons phải thanh toán cho L. Trường hợp giá trị sau khi quyết toán Hợp đồng thể hiện PetroCons vẫn còn phải thanh toán cho L số tiền nhất định nào đó thì VPBank có quyền yêu cầu PetroCons phải chuyển số tiền đó cho VPBank để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho L. Vì vậy, yêu cầu của VPBank liên quan đến quyền đòi nợ đối với PetroCons phát sinh từ Hợp đồng số 11 là có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 66 Nghị định 163/2006/NĐ-CP về xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ, xét thấy trước khi khởi kiện, bên nhận bảo đảm là VPBank chưa yêu cầu PetroCons thực hiện nghĩa vụ, PetroCons cũng chưa yêu cầu thì bên nhận bảo đảm phải chứng minh quyền được đòi nợ nên ý kiến kháng cáo của PetroCons về việc không chứng minh được thời điểm xử lý nợ, VPBank đã cung cấp tài liệu chứng minh quyền đòi nợ cho PetroCons hay chưa là không có căn cứ.

Tuy nhiên, phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên "Trong trường hợp Công ty Cổ phần L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu thực hiện quyền đòi nợ đối với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016 và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 04-12-2015 sau khi thanh, quyết toán công trình theo các hợp đồng" là có phần thiếu sót bởi trong quá trình giải quyết vụ án, VPBank không xác định được nghĩa vụ trả nợ cũng như giá trị khoản nợ là bao nhiêu nên để xác định được số nợ này, ngoài việc sau khi thanh, quyết toán công trình theo các hợp đồng thì cần tính đến trường hợp có bản án/ quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ trả nợ của PetroCons theo Hợp đồng số 11 được ký giữa L và PetroCons về việc thực hiện gói thầu: Mua sắm, gia công chế tạo, lắp đặt vận chuyển than đá và đá vôi thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27/4/2016).

Từ những phân tích nêu trên, Kiểm sát viên đề xuất: Căn cứ Điều 308, 309 BLTTDS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của PetroCons, sửa bản án sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo hướng bổ sung nội dung:

Trong trường hợp L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu thực hiện quyền đòi nợ đối với PetroCons theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016 và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 04-12-2015 sau khi thanh, quyết toán công trình theo các hợp đồng hoặc có bản án/ quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ trả nợ của Petrocons và Lilama theo các: Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD (theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016) và Hợp đồng số 161115/LILAMA-LISEMCO và các Hợp đồng/phụ lục đi kèm Hợp đồng này (theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 04-12-2015). Giữ nguyên những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo. Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí mà đương sự đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn là Công ty L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ ba, không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục Viễn thông có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của PetroCons tại phiên tòa: PetroCons cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan Dầu khí tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD ngày 19/4/2016, các bên đã thỏa thuận rõ phạm vi nghĩa vụ và giá trị hợp đồng của từng bên, trong đó xác định, giá Hợp đồng của L là 165.529.246.981 đồng. L chỉ thế chấp phần giá trị Hợp đồng tương ứng với phần việc của mình, không liên quan đến giá trị Hợp đồng tương ứng với phần việc của Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan Dầu khí. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các bên cũng không có tranh chấp về Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD ngày 19/4/2016, PetroCons không có yêu cầu độc lập nên Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan Dầu khí tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên không chấp nhận yêu cầu này của PetroCons.

- Về nội dung:

[4] Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng: VPBank đã ký với L Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2017 ngày 12-7-2017; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2018 ngày 21-8-2018 và các Khế ước nhận nợ số LD1816201657ngày 11-6-2018; Khế ước nhận nợ số LD1836001135 ngày 26-12-2018; Khế ước nhận nợ số LD1833200824 ngày 28-11-2018; Khế ước nhận nợ số LD1904600372 ngày 15-02-2019; Khế ước nhận nợ số LD2003600991 ngày 05-02-2020. Việc ký kết Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ do người đại diện theo pháp luật của L và đại diện của VPBank ký kết có nội dung và hình thức

phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 4, 7, 10, 12, 30, 31 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. VPBank đã tiến hành giải ngân đầy đủ và đúng hạn theo các giấy đề nghị của L, tuy nhiên L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn, do đó việc VPBank khởi kiện yêu cầu L phải thanh toán nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với lãi suất áp dụng: Theo bảng kê tính lãi của VPBank cung cấp phù hợp các văn bản về lãi suất VPBank cung cấp và theo sự thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng là đúng quy định.

[6] Đối với số tiền nợ lãi chậm trả lãi, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ được thỏa thuận và ký kết sau thời điểm 01-01-2017 nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 thì việc VPBank tính nợ lãi chậm trả lãi là có căn cứ với mức lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật và được chấp nhận. Theo các bảng kê tính lãi của VPBank và theo các tài liệu về lãi suất do VPBank cung cấp, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền L phải trả cho VPBank tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-3-2023), tổng số tiền là 73.178.348.966 đồng (trong đó: Số tiền nợ gốc là 47.384.936.021 đồng; nợ lãi trong hạn là 371.557.056 đồng; nợ lãi quá hạn là 21.371.955.001 đồng; lãi chậm trả lãi 4.049.900.888 đồng) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7] Về hiệu lực của các Hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, L đã ký các Hợp đồng thế chấp tài sản số 901182XLDAUKHI/HDTCHH ngày 27-4-2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số 901182CUCVT/HDTCHH ngày 04-12-2015; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182CUCVT/TCQDN ngày 04-12-2015. Xét các Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa người đại diện theo pháp luật của L và đại diện của VPBank, các Hợp đồng có hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và được chứng thực của Phòng Công chứng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực.

[8] Xét kháng cáo của PetroCons về việc yêu cầu Tòa án tuyên quyền yêu cầu thực hiện quyền đòi nợ đối với PetroCons:

[8.1] Mặc dù PetroCons không tham gia ký Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016 nhưng Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ được VPBank và L ký kết theo quy định của pháp luật, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, đã được chứng thực và đăng ký giao dịch đảm bảo nên theo quy định tại khoản 2 Điều 309 Bộ luật Dân sự 2005 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ, Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ có hiệu lực pháp luật nên VPBank có quyền yêu cầu thực hiện quyền đòi nợ đối với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016. Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên chỉ quy định tài sản thế chấp là quyền đòi nợ trong tương lai đối với Hợp đồng số 11 được ký giữa PetroCons và Liên danh Nhà thầu PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD (trong phạm vi giá trị hợp đồng tương ứng với phần việc của L) và tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền lãi, khoản tiền bảo hiểm, bảo lãnh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác mà PetroCons phải trả cho L liên quan đến Hợp đồng trên.

[8.2] Các bên chưa thực hiện việc thanh, quyết toán Hợp đồng 11 để xác định giá trị công nợ; trường hợp giá trị sau khi quyết toán Hợp đồng thể hiện PetroCons vẫn còn phải thanh toán cho L số tiền nhất định nào đó thì VPBank có quyền yêu cầu PetroCons phải chuyển số tiền đó cho VPBank để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho L thì yêu cầu của VPBank liên quan đến quyền đòi nợ đối với PetroCons phát sinh từ Hợp đồng số 11 là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, PetroCons trình bày quá trình thực hiện hợp đồng, L đã có nhiều vi phạm gây ảnh hưởng đến quyền lợi của PetroCons. Do các bên chưa thanh lý Hợp đồng 11 vì có tranh chấp nên chưa xác định được nghĩa vụ trả nợ cũng như giá trị khoản nợ mà PetroCons phải thanh toán cho L nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định việc thanh, quyết toán Hợp đồng 11 của các bên là căn cứ để VPBank có quyền thực hiện quyền đòi nợ là chưa phù hợp, gây khó khăn cho việc thực hiện quyền của và nghĩa vụ của các đương sự nên cần sửa lại phần VPBank được yêu cầu PetroCons thanh toán thay cho L khi xác định sau khi thanh, quyết toán công trình theo các Hợp đồng hoặc có bản án/quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ trả nợ của Petrocons và Lilama.

[9] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182CUCVT/TCQDN ngày 09-12-2015: Tài sản thế chấp là Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai theo Hợp đồng số 161115/LILAMA-L ký giữa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Công ty Cổ phần L ngày 16/11/2015 và các Hợp đồng/phụ lục đi kèm; đồng thời tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm Hợp đồng, tiền lãi, khoản tiền bảo hiểm, bảo lãnh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác mà bên có nghĩa vụ thanh toán phải trả cho Bên thế chấp liên quan đến Hợp đồng nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp. Do Lilama và L cũng chưa thực hiện việc thanh quyết

toán, L không phối hợp, xác nhận công nợ, thực hiện việc thanh, quyết toán giữa các bên nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên dựa vào việc thanh, quyết toán … Mặc dù, trong vụ án chỉ có PetroCons kháng cáo liên quan đến việc tuyên quyền đòi nợ của VPBank đối với PetroCons, Lilama không kháng cáo nhưng xét thấy cần phải sửa Bản án sơ thẩm liên quan đến việc tuyên quyền đòi nợ của VPBank đối với PetroCons và Lilama mới đảm bảo việc thi hành án và thống nhất. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam; sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Trong trường hợp Công ty Cổ phần L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu thực hiện quyền đòi nợ đối với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27/4/2016 và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182CUCVT/TCQDN ngày 04-12-2015 sau khi thanh, quyết toán công trình theo các hợp đồng hoặc theo bản án/quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật về nghĩa vụ trả nợ của Petrocons và Lilama theo các hợp đồng đã ký.

[10] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo được giữ nguyên. PetroCons có tranh chấp với L về Hợp đồng 11 thì khởi kiện bằng vụ kiện khác nếu có căn cứ.

- *Về án phí kinh doanh thương mại:* Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-10-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận, vì vậy Công ty L phải chịu số tiền 181.178.350 án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho VPBank số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 86.242.732đồng.

[12] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của Petrocons được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 309, Điều 313, Điều 342, Điều 343, Điều 355 của Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 117, Điều 280, Điều 292, Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều

298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 365, Điều 368 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam, sửa Bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV (VPBank):

1.1 Buộc Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16-3-2023 là: 73.178.348.966 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc 47.384.936.021 đồng; nợ lãi trong hạn 371.557.056 đồng; nợ lãi quá hạn 21.371.955.001 đồng; lãi chậm trả lãi 4.049.900.888 đồng) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2017 ngày 12-7-2017; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2018 ngày 21-8-2018 và các Khế ước nhận nợ số LD1816201657 ngày 11-6-2018; Khế ước nhận nợ số LD1836001135 ngày 26-12-2018; Khế ước nhận nợ số LD1833200824 ngày 28-11-2018; Khế ước nhận nợ số LD1904600372 ngày 15-02-2019; Khế ước nhận nợ số LD2003600991 ngày 05-02-2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2017 ngày 12-7-2017; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2018 ngày 21-8-2018 và các Khế ước nhận nợ số LD1816201657 ngày 11-6-2018; Khế ước nhận nợ số LD1836001135 ngày 26-12-2018; Khế ước nhận nợ số LD1833200824 ngày 28-11-2018; Khế ước nhận nợ số LD1904600372 ngày 15-02-2019; Khế ước nhận nợ số LD2003600991 ngày 05-02-2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2 Trong trường hợp Công ty Cổ phần L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu thực hiện quyền đòi nợ đối với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN

ngày 27-4-2016 và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182CUCVT/TCQDN ngày 04-12-2015 sau khi thanh, quyết toán công trình theo các hợp đồng hoặc theo Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án, Cơ quan có thẩm quyền về việc xác định nghĩa vụ trả nợ của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đối với Công ty Cổ phần L theo các Hợp đồng:

1.2.1 Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/PVC/PVCPT/LISEMCO/PVSHIPYARD ngày 19-4-2016 được ký giữa Công ty Cổ phần L và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc thực hiện gói thầu: Mua sắm, gia công chế tạo, lắp đặt vận chuyển than đá và đá vôi thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182XLDAUKHI/HDTCQDN ngày 27-4-2016).

1.2.2 Hợp đồng số 161115/LILAMA-L ngày 16-11-2015 và các Hợp đồng/phụ lục đi kèm Hợp đồng này để thực hiện gói thầu "Thi công kết cấu thép" thuộc dự án "Xây dựng và mở rộng trụ sở Cục Viễn thông" được ký giữa Công ty Cổ phần L và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 901182CUCVT/TCQDN ngày 04-12-2015).

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV mà còn thừa thì trả lại cho Công ty Cổ phần L. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV thu hồi nợ thì Công ty Cổ phần L vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2017 ngày 12-7-2017; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 901182/HĐHM/2018 ngày 21-8-2018 và các Khế ước nhận nợ số LD1816201657 ngày 11-6-2018; Khế ước nhận nợ số LD1836001135 ngày 26-12-2018; Khế ước nhận nợ số LD1833200824 ngày 28-11-2018; Khế ước nhận nợ số LD1904600372 ngày 15-02-2019; Khế ước nhận nợ số LD2003600991 ngày 05-02-2020.

Dành quyền khởi kiện tại vụ án khác cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV đối với yêu cầu xác minh, kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 901182-XLDAUKHI/HDTCHH ngày 27/4/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 901182-CUCVT/HDTCHH ngày 04-12-2015 cùng các phụ lục đi kèm sau khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV có được đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần L phải nộp 181.178.350 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 86.242.732 đồng theo biên lai thu tiền số 0009548 ngày 09-3-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng,

thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Trả lại cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009727 ngày 11-4-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- TAND quận Hồng Bàng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà